TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN T THÀNH PHỐ H	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 527/2023/QĐST-HNGĐ	*T, ngày 19 tháng 6 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN T, THÀNH PHỐ H

Căn cứ Điều 212, 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110, Điều 116, Điều 117, Điều 118 và Điều 119 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 449/2023/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 05 năm 2023 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", giữa các đương sự:

- Ông Dương Đức Th, sinh năm 1964; Địa chỉ: 18/B410 chung cư H, phường P, quận T, Thành phố H.

- Bà Nguyễn Thị Kim O, sinh năm 1974; Địa chỉ: 18/B410 chung cư H, phường P, quận T, Thành phố H

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ hôn nhân*: Ông Dương Đức Th và bà Nguyễn Thị Kim O tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 45 do Ủy ban nhân dân huyện C, Thành phố H cấp ngày 15/4/1995

Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm. Vợ chồng ông Th bà O đã nhiều lần hàn gắn, hòa giải nhưng vẫn không đạt được hạnh phúc. Nay, ông Th bà O xác định không còn tình cảm, không có khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được nên hai bên yêu cầu thuận tình ly hôn

[2] *Về quan hệ con chung*: Có ba con chung tên Dương Ngọc Thủy T, sinh ngày 15/6/1995, Dương Ngọc Mỹ T, sinh ngày 15/6/1995 và Dương Đức T, sinh ngày 15/10/2003. Các con chung đã trưởng thành, sức khỏe bình thường nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

[3] *Về quan hệ tài sản chung*: Hai bên xác nhận không có tài sản chung.

[4] Về các vấn đề khác: Hai bên xác nhận không có nợ chung.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Ông Dương Đức Th và bà Nguyễn Thị Kim O cùng thuận tình ly hôn.

Quan hệ hôn nhân giữa ông Dương Đức Th và bà Nguyễn Thị Kim O theo Giấy chứng nhận kết hôn số 45 ngày 15/4/1995 do Ủy ban nhân dân huyện C, Thành phố H cấp cho ông Th và bà O chấm dứt kể từ ngày quyết định ly hôn có hiệu lực pháp luật.

- *Về quan hệ con chung*: có ba con chung tên Dương Ngọc Thủy T, sinh ngày 15/6/1995, Dương Ngọc Mỹ T, sinh ngày 15/6/1995 và Dương Đức T, sinh ngày 15/10/2003. Các con chung đã trưởng thành, sức khỏe bình thường nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

- *Về quan hệ tài sản chung:* Hai bên xác nhận không có tài sản chung.

- *Về các vấn đề khác:* Hai bên xác nhận không có nợ chung.

- *Về lệ phí giải quyết việc dân sự:* là 300.000 đồng do ông Th và bà O chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng mà ông Th và bà O đã nộp theo Biên lai thu số AA/2022/0014075 ngày 19/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T, Thành phố H. Ông Th và bà O đã nộp đủ lệ phí giải quyết việc dân sự.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND quận T;
- Chi cục THADS quận T;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ việc dân sự (Vinh).

THẨM PHÁN

Trần Hoàng Thị Thanh Mai